TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/KDTM-ST
Ngày: 30 – 9 – 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nữ

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thảo Vy – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2025/TLST – KDTM ngày 25/4/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-KDTM ngày 08/8/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần X, Trụ sở: Thửa đất số 648, tờ bản đồ số 59, khu phố C, phường M, thành phố B (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Hồng N, sinh năm 1977, địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) (Văn bản ủy quyền ngày 01/4/2025).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ, địa chỉ trụ sở: Số E, tổ I, khu phố G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); Văn phòng giao dịch: Số C Đại lộ B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành T – Tổng Giám đốc. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Phạm Hồng N trình bày:*

Ngày 22/11/2021, giữa Công ty Cổ phần X (gọi tắt Công ty X) và Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ) đã giao kết hợp đồng nguyên tắc số 134/2021/HĐNT/CCM-TB về việc thuê xe cơ giới và vận chuyển đất với nội dung như sau: Bên Công ty X đồng ý cho bên Công ty Đ thuê xe cơ giới và vận chuyển đất phục vụ cho việc thi công tại công trình mà bên Công ty Đ yêu cầu, số lượng ca máy thanh toán là số lượng ca máy thực tế làm tại công trình được đại diện hai bên xác nhận bằng biên bản xác nhận số lượng ca máy, giá cả được hai bên thỏa thuận theo từng thời điểm được Công ty X thông báo cho Công ty Đ bằng văn bản, tại thời điểm ký hợp đồng hai bên đã thống nhất giá thuê với nhau.

Về phương thức thanh toán: Các bên đã thoả thuận thống nhất cuối mỗi tháng, căn cứ trên biên bản hai bên đối chiếu số lượng ca máy đã thực hiện trong tháng đã được đại diện hai bên ký xác nhận, trên cơ sở đó bên Công ty X sẽ xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bên Công ty Đ. Bên Công ty Đ sẽ thanh toán cho bên Công ty X trong vòng 20 ngày kể từ ngày bên Công ty X cung cấp đầy đủ chứng từ thanh toán và hóa đơn giá trị gia tăng.

Thực hiện hợp đồng nguyên tắc nêu trên, bên Công ty X đã thực hiện các công việc theo yêu cầu của Công ty Đ từ ngày 23/11/2021 đến ngày 30/4/2023.

Vào ngày 12/01/2024, hai bên công ty đã tiến hành lập biên bản đối chiếu công nợ với nội dung: Tính đến ngày 31/12/2023, giá trị thực hiện: 3.496.034.915 đồng; giá trị thanh toán: 2.289.598.682 đồng; Công ty Cổ phần Đ còn nợ Công ty Cổ phần X là 1.206.436.233 đồng.

Từ đó cho đến nay, Công ty X đã nhiều lần liên hệ, nhắc nhở nhưng Công ty Đ không có thiện chí trả nợ cho Công ty X.

Nay Công ty Cổ phần X yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (Nay là Toà án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh) giải quyết như sau:

Buộc Công ty Cổ phần Đ phải thanh toán cho Công ty Cổ phần X số tiền nợ gốc là 1.206.436.233 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán, theo mức lãi suất là 10%/năm, tạm tính từ ngày 12/01/2024 cho đến ngày 12/9/2025 là 01 năm 08 tháng, tương đương số tiền lãi làm tròn là 201.072.705đồng. Như vậy, tổng số tiền Công ty Cổ phần Đ phải trả cho Công ty X là 1.407.508.938 đồng *(Một tỉ bốn trăm lẻ bảy triệu năm trăm lẻ tám nghìn chín trăm ba mươi tám đồng).*

** Bị đơn là Công ty Cổ phần Đ đã được Toà án thông báo về việc bị khởi kiện, triệu tập hợp lệ đến tham gia các phiên họp, phiên hoà giải và phiên toà. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Đ vắng mặt không có lý do.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình điều tra, việc thu thập chứng cứ, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và tống đạt văn bản tố tụng được Tòa án thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết nội dung tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, ý kiến của đương sự có mặt tại phiên toà. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần X đối với bị đơn Công ty Cổ phần Đ là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Những kiến nghị bổ sung: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần X (gọi tắt Công ty X) là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn là Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ) có địa chỉ trụ sở tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh và Văn phòng đại diện tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo quy định điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Bị đơn là Công ty Đ đã được Toà án thông báo về việc bị khởi kiện, triệu tập hợp lệ đến tham gia các phiên họp, phiên hoà giải và phiên toà. Tuy nhiên, Công ty Đ vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét nội dung tranh chấp giữa các bên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 22/11/2021, giữa Công ty X và Công ty Đ đã giao kết hợp đồng nguyên tắc số 134/2021/HĐNT/CCM-TB về việc thuê xe cơ giới và vận chuyển đất. Việc ký kết hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, nội dung thoả thuận tại hợp đồng không trái pháp luật nên Hợp đồng đã ký phát sinh hiệu lực, buộc các bên phải thực hiện theo thỏa thuận.

[4]. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty X đã cung cấp đầy đủ dịch vụ cho thuê xe cơ giới và vận chuyển đất cho phía Công ty Đ. Sau khi thực hiện hợp đồng, các bên đã thực hiện việc đối chiếu công nợ theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 12/01/2024 đã xác định: Tính đến ngày 31/12/2023, giá trị thực hiện: 3.496.034.915 đồng; giá trị thanh toán: 2.289.598.682 đồng; Công ty Cổ phần Đ còn nợ Công ty X là 1.206.436.233 đồng. Tuy nhiên, kể từ ngày 12/01/2024 đến nay, Công ty Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thoả

thuận. Vì vậy, Công ty X khởi kiện yêu cầu Công ty Đ phải thanh toán tổng số tiền 1.407.508.938 đồng *(Một tỉ bốn trăm lẻ bảy triệu năm trăm lẻ tám nghìn chín trăm ba mươi tám đồng)*, bao gồm 1.206.436.233 đồng tiền nợ gốc và 201.072.705đồng tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Ý kiến phát biểu về nội dung giải quyết tranh chấp tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[6]. Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản.

[7]. Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty X được Toà án chấp nhận. Vì vậy, bị đơn là Công ty Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 50, 306 Luật Thương mại 2005;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần X đối với bị đơn là Công ty Cổ phần Đ về việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài sản.

Buộc Công ty Cổ phần Đ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần X tổng số tiền là 1.407.508.938 đồng *(Một tỉ bốn trăm lẻ bảy triệu năm trăm lẻ tám nghìn chín trăm ba mươi tám đồng)*, bao gồm 1.206.436.233 đồng tiền nợ gốc và 201.072.705đồng tiền lãi.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần Đ chưa thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán tiền thì còn phải trả lãi, đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần Đ phải chịu số tiền 54.225.268đồng (Năm mươi bốn triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm sáu mươi tám đồng).

- Thi hành án dân sự Thành phố H hoàn trả cho Công ty Cổ phần X số tiền 26.197.000đồng (Hai mươi sáu triệu một trăm chín mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001777 ngày 18/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Lê Văn Thiện